UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2468 /QĐ-UBND	*Tuy phước, ngày 21 tháng 6 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá QSD đất ở tại khu quy hoạch dân cư xã Phước Quang, huyện Tuy Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản; Thông tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2015; Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 18/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở;

Căn cứ Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước để xây dựng khu dân cư tại xã Phước Quang, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 13/6/2016 giữa các ngành Tài nguyên và Môi trường, Tài chính – Kế hoạch, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Chi cục thuế huyện và UBND xã Phước Quang về việc xác định giá khởi điểm bán đấu giá QSD đất ở khu dân cư năm 2015 tại xã Phước Quang, huyện Tuy Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện tại Tờ trình số 119/TTr-TTPTQĐ ngày 26/5/2016 và của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 126/TTr-TNMT ngày 14/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mức giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu quy hoạch dân cư xã Phước Quang, huyện Tuy Phước cụ thể như sau:

I. Thôn Đình Thiện Tây: Có 02 vị trí.

1. Vị trí phía Nam nhà bà Hoàng: Có tổng diện tích 2.393,4 m^2, phân thành 14 lô, diện tích mỗi lô từ 98,0 m^2 đến 198,8 m^2.

- Giá theo Quyết định số 34 của UBND tỉnh (đã nhân hệ số điều chỉnh): 209.000 đ/m^2.

- Giá UBND huyện phê duyệt: 1.200.000đồng/m^2 từ lô số 01 đến lô số 13 và 1.100.000đồng/m^2 đối với lô số 14.

2. Vị trí phía Bắc ông Lê Trung Thành: Có tổng diện tích 1.424,3 m^2, phân thành 8 lô, diện tích mỗi lô từ 165,2 m^2 đến 239,1 m^2.

- Giá theo Quyết định số 34 của UBND tỉnh (đã nhân hệ số điều chỉnh): 117.000 đ/m^2.

- Giá UBND huyện phê duyệt: 1.000.000 đ/m^2.

II. Thôn Định Thiện Đông: Vị trí phía Tây nhà ông Trình Văn Lượng: Có tổng diện tích 1.171,9 m^2, phân thành 6 lô, diện tích mỗi lô từ 170,0 m^2 đến 225,0 m^2.

- Giá theo Quyết định số 34 của UBND tỉnh (đã nhân hệ số điều chỉnh): 117.000 đ/m^2.

- Giá UBND huyện phê duyệt: 900.000 đ/m^2

III. Thôn Luật Bình: Có 03 vị trí.

1. Vị trí phía Đông nhà ông Trần Lại: Có tổng diện tích 1.048,7 m^2, phân thành 7 lô, diện tích mỗi lô từ 114,6 m^2 đến 213,5 m^2.

- Giá theo Quyết định số 34 của UBND tỉnh (đã nhân hệ số điều chỉnh): 880.000 đ/m^2.

- Giá UBND huyện phê duyệt: 2.600.000 đ/m^2.

2. Vị trí phía Tây Trường Tiểu học số 2: Có tổng diện tích 755,1 m^2, phân thành 7 lô, diện tích mỗi lô từ 98,5 m^2 đến 125,2 m^2.

- Giá theo Quyết định số 34 của UBND tỉnh (đã nhân hệ số điều chỉnh): 880.000 đ/m^2.

- Giá UBND huyện phê duyệt: 2.600.000 đ/m^2.

3. Vị trí phía Đông chùa Quang Hoa: Có tổng diện tích 1.550,1 m^2, phân thành 10 lô, diện tích mỗi lô từ 104,8 m^2 đến 167,0 m^2.

- Giá theo Quyết định số 34 của UBND tỉnh (đã nhân hệ số điều chỉnh): 650.000 đ/m^2.

- Giá UBND huyện phê duyệt: 2.500.000đồng/m^2 từ lô số 02 đến lô số 10 và 2.000.000 đồng/m^2 đối với lô số 01.

(Chi tiết kèm theo phụ lục)

Điều 2. Giao Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản; Thông tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP; Thông tư số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất, để xây dựng quy chế đấu giá QSD đất và phối hợp với Chủ tịch UBND xã Phước Quang, các ngành chức năng của huyện tổ chức đấu giá QSD đất ở tại khu quy hoạch dân cư xã Phước Quang theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Quang vàThủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, K.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Tích Hiếu

PHỤ LỤC

Về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá QSD đất ở tại khu quy hoạch dân cư năm 2015 xã Phước Quang

(Kèm theo Quyết định số [illegible] /QĐ-UBND ngày 21 /6/2016 của Chủ tịch UBND huyện)

Số thứ tự lô	Diện tích (m2)	Giá đất theo QĐ 34/2014/QĐ-UBND (đồng/m2)	Giá đất theo QĐ 25/2016/QĐ-UBND (đồng/m2)	Giá UBND huyện phê duyệt (đồng/m2)	Ghi chú
I. Thôn Định Thiện Tây					
1. Phía Nam nhà bà Hoàng					
1	98,0	190.000	209.000	1.200.000	
2	137,4	190.000	209.000	1.200.000	
3	151,5	190.000	209.000	1.200.000	
4	162,3	190.000	209.000	1.200.000	
5	170,5	190.000	209.000	1.200.000	
6	177,2	190.000	209.000	1.200.000	
7	183,6	190.000	209.000	1.200.000	
8	189,2	190.000	209.000	1.200.000	
9	193,4	190.000	209.000	1.200.000	
10	197,4	190.000	209.000	1.200.000	
11	198,8	190.000	209.000	1.200.000	
12	194,7	190.000	209.000	1.200.000	
13	189,9	190.000	209.000	1.200.000	
14	149,5	190.000	209.000	1.100.000	
2. Phía Bắc nhà ông Lê Trung Thành					
1	168,2	117.000	128.700	1.000.000	
2	167,3	117.000	128.700	1.000.000	
3	166,4	117.000	128.700	1.000.000	
4	165,2	117.000	128.700	1.000.000	
5	168,9	117.000	128.700	1.000.000	
6	172,9	117.000	128.700	1.000.000	
7	176,3	117.000	128.700	1.000.000	
8	239,1	117.000	128.700	1.000.000	
II. Thôn Định Thiện Đông					
Phía Tây nhà ông Trình Văn Lượng					
1	225,0	117.000	128.700	900.000	
2	202,7	117.000	128.700	900.000	
3	200,2	117.000	128.700	900.000	
4	197,7	117.000	128.700	900.000	
5	170,0	117.000	128.700	900.000	

Số thứ tự lô	Diện tích (m2)	Giá đất theo QĐ 34/2014/QĐ-UBND (đồng/m2)	Giá đất theo QĐ 25/2016/QĐ-UBND (đồng/m2)	Giá UBND huyện phê duyệt (đồng/m2)	Ghi chú
6	176,3	117.000	128.700	900.000	
III. Thôn Luật Bình					
1. Phía Đông nhà ông Trần Lại					
1	213,5	800.000	880.000	2.600.000	
2	154,1	800.000	880.000	2.600.000	
3	144,2	800.000	880.000	2.600.000	
4	134,4	800.000	880.000	2.600.000	
5	124,5	800.000	880.000	2.600.000	
6	114,6	800.000	880.000	2.600.000	
7	163,4	800.000	880.000	2.600.000	
2. Phía Tây trường Tiểu học số 2					
1	98,8	800.000	880.000	2.600.000	
2	98,5	800.000	880.000	2.600.000	
3	107,4	800.000	880.000	2.600.000	
4	106,3	800.000	880.000	2.600.000	
5	125,2	800.000	880.000	2.600.000	
6	106,6	800.000	880.000	2.600.000	
7	112,3	800.000	880.000	2.600.000	
3. Phía Đông chùa Quang Hoa					
1	104,8	650.000	715.000	2.000.000	
2	141,0	650.000	715.000	2.500.000	
3	162,6	650.000	715.000	2.500.000	
4	163,5	650.000	715.000	2.500.000	
5	164,4	650.000	715.000	2.500.000	
6	165,3	650.000	715.000	2.500.000	
7	166,2	650.000	715.000	2.500.000	
8	167,0	650.000	715.000	2.500.000	
9	164,1	650.000	715.000	2.500.000	
10	151,2	650.000	715.000	2.500.000	